

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2022-2023)

LỚP K16A-D4A (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	GDQP	Số Đvht :						ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
					Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)			
					LT	SH - DT	HĐCVC	GDPL	CT					
1	16011033	Đinh Thị Vân	Anh	02/01/2004		7.9	7.3	8.5	7.4	7.6	7.8	Khá		
2	16011033	Tạ Hồng	Anh	15/03/2004		8.6	6.1	8.4	6.5	8.2	7.7	Khá		
3	16011036	Mai Ngọc	Anh	27/10/2004		6.0	5.5	8.0	7.3	5.8	6.6	T.bình khá		
4	16011037	Phí Vũ Hà	Anh	08/10/1999		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
5	16011032	Nguyễn Xuân	Bách	01/09/1998		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
6	16011038	Sùng Thị	Chay	01/06/2003		5.2	2.1	7.7	0.0	6.5	4.9	Yếu		2=40.0%(3:0)(5:0)
7	16011030	Bùi Thị Linh	Chi	17/11/2004		5.8	6.1	8.3	5.8	6.3	6.6	T.bình khá		
8	16011032	Nguyễn Linh	Chi	12/06/2004		5.5	5.2	8.0	7.4	3.1	5.6	Trung bình		1=20.0%(6:0)
9	16011035	Trần Linh	Chi	01/08/2022		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
10	16011036	Lò Thị Kim	Chi	18/08/2004		7.8	7.8	8.6	8.1	7.7	8.0	Giỏi		
11	16011040	Nguyễn Thị Tường	Chi	14/10/2004		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
12	16011034	Nguyễn Cao	Cường	17/05/2004		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
13	16011032	Nguyễn Thị Mai	Diễm	22/05/2003		9.0	7.7	8.7	7.7	8.8	8.4	Giỏi		
14	16011038	Nguyễn Tiến	Dũng	11/08/2003		0.0	1.6	1.6	2.8	0.0	1.1	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
15	16011033	Vương Thị Thùy	Dương	06/08/1984		9.1	7.6	8.9	8.0	8.3	8.4	Giỏi		
16	16011040	Vũ Văn	Hà	02/07/2000		6.7	2.8	3.7	0.0	6.1	4.0	Yếu		3=60.0%(3:0)(5:0)
17	16011018	Nguyễn Mai	Hạnh	08/05/2003		8.7	7.0	4.3	8.0	7.7	6.9	T.bình khá		1=20.0%
18	16011034	Lô Minh	Hạnh	18/11/2004		0.0	0.0	4.0	2.3	1.8	2.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
19	16011033	Thái Thị	Hoa	10/02/2004		4.5	6.5	8.3	6.8	6.0	6.7	T.bình khá		1=20.0%(2:4)

				Số Đvht :	3	1	2	3	2	4				
				Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)				
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	GDQP	LT	SH - DT	HĐCVC	GDPL	CT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
20	16011034	Nguyễn Thị	Hoài	22/07/1995		5.3	5.1	8.1	6.7	7.1	6.8	T.bình khá		
21	16011032	Nguyễn Minh	Hoàng	24/06/2004		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
22	16011039	Đào Duy	Hùng	09/11/2004		7.0	6.6	4.3	7.6	6.8	6.3	T.bình khá		1=20.0%
23	16011032	Lưu Thu	Huyền	16/11/2004		6.8	5.9	7.7	7.4	6.4	6.8	T.bình khá		
24	16011036	Hoàng Thị Minh	Huyền	18/02/2003		5.6	2.5	8.1	5.8	8.3	6.6	T.bình khá		1=20.0%(3:0)
25	16011023	Bùi Thị	Khuyên	19/09/2004		6.9	6.8	7.9	6.1	6.9	7.0	Khá		
26	16011021	Vũ Thị Mai	Linh	30/03/2004		7.0	6.5	5.0	6.7	8.4	6.8	T.bình khá		
27	16011034	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	19/02/2004		9.0	7.5	8.7	8.2	8.7	8.4	Giỏi		
28	16011038	Hoàng Thị Thuỳ	Linh	22/07/2004		5.6	2.7	4.3	5.5	5.6	4.8	Yếu		2=40.0%(3:0)
29	16011022	Trương Thị Bích	Loan	24/09/2004		7.3	8.0	4.3	7.0	8.1	6.9	T.bình khá		1=20.0%
30	16011031	Vũ Yến	Mai	24/05/2004		7.4	7.8	8.6	6.4	7.4	7.6	Khá		

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 4 (13.3%), Khá: 4 (13.3%), T.bình khá: 10 (33.3%), Trung bình: 1 (3.3%), Yếu: 11 (36.7%),
Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:

(1) GDQP: GDQP
(5) GDPL: GDPL

(2) LT: LATIN
(6) CT: CHÍNH TRỊ

(3) SH - DT: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN

(4) HĐCVC: HÓA ĐẠI CƯƠNG VÔ CƠ